TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/HNGĐ - ST
Ngày 13 - 02 - 2025
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Kim Thủy

Bà Đặng Hồng Luyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị L, sinh năm 1996 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông LIU WEN PIN, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đoạn A, lộ T, khóm C, phường Đ, khu N, thành phố Đ, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị L trình bày: Qua mai mối, tìm hiểu và được sự thống nhất của hai bên gia đình, nguyên đơn bà Mai Thị L tự nguyện đi đến hôn nhân với bị đơn ông LIU WEN PIN và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh H theo giấy Trích lục kết hôn số 51/2023/TLKH-BS ngày 04 tháng 8 năm 2023. Sau khi kết hôn, bà Mai Thị L sang

Đài Loan chung sống với ông LIU WEN PIN được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, vợ chồng không hiểu nhau và không còn yêu thương nhau. Năm 2015, bà Mai Thị L và chồng sống ly thân, đến nawm2022 bà Mai Thị L về Việt Nam sinh sống và không còn liên lạc với ông LIU WEN PIN. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Mai Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị L yêu cầu được ly hôn với ông LIU WEN PIN.

Về con chung: Bà Mai Thị L với ông LIU WEN PIN không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Mai Thị L với ông LIU WEN PIN không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông LIU WEN PIN, từ khi thụ lý vụ án ông LIU WEN PIN vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến phản hồi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Nguyên đơn bà Mai Thị L, đăng ký thường trú tại huyện V, tỉnh Hậu Giang khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông LIU WEN PIN là người nước ngoài, quốc tịch Trung Quốc (Đài Loan) và đang cư trú tại lãnh thổ Đài Loan. Quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị L và ông LIU WEN PIN có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông LIU WEN PIN đã được Tòa án thực hiện ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ Đài Loan, để tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp vào ngày 27 tháng 9 năm 2024, nhưng đến nay bị đơn vẫn không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông LIU WEN PIN.

Nguyên đơn bà Mai Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Mai Thị L theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*

Bà Mai Thị L và ông LIU WEN PIN chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan thẩm quyền. Quan hệ hôn nhân của bà Mai Thị L và ông LIU WEN PIN được pháp luật Việt Nam công nhận. Bà Mai Thị L và ông L1 WEN PIN sống chung với nhau chỉ trong khoảng thời gian ngắn. Đến nay hai vợ chồng không còn liên lạc, không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Mai Thị L và ông LIU WEN PIN đã không có cơ hội hàn gắn và đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Mai Thị L được ly hôn với ông LIU WEN PIN.

[2.2] *Về con chung, tài sản chung và nợ chung*: Bà Mai Thị Ly K không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Mai Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; Điều 147; Điều 470; Điều 474; Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27; Điều 44 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Thông tư số 12/2016/TTLT – BTP – BNG - TANDTC ngày 19/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ N và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56 và Điều 122 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Mai Thị L được ly hôn với ông LIU WEN PIN.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị Ly K không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí bà Mai Thị L đã nộp theo biên lai thu số 000214 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí phải chịu.

4. Lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Mai Thị L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng lệ phí ủy thác tư pháp bà Mai Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000288 ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành lệ phí ủy thác tư pháp.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phượng